**BÀI TẬP CHƯƠNG 1**

**Bài tâp 1 chương 1: làm rõ nội dung cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930)? Phân tích ý nghĩa ĐCSVN ra đời.**

- ***Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam***: Đảng chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

Gt:

1.Cm ts dân quyền: là cuộc cm giải phóng dân tộc do đcs lãnh đạo

Thổ địa cm:là cuộc cm mang lại (hoặc giải quyết vấn đề) ruộng đất cho nông dân

Xh cộng sản: là mô hình xh tiến bộ nhất của loài người(theo đn của Mác)

2. Mục đích của cuộc cm ts dân quyền và thổ địa cm: nhằm giải quyết 2 mt cơ bản trong lòng xh vn - thuộc địa nủa pk (mt dân tộc-mt giữa toàn thể dân tộc vn vs thực dân pháp và tay sai, mt giai cấp-mt giữa toàn thể nhân dân vn trong đó chủ yếu là giữa nông dân với địa chủ phong kiến )

3. Phương hướng pt của cmvn :

Sau khi hoàn thành cm ts dân quyền và thổ địa cm (cuộc vđ 1) , Việt Nam đã đi tới xã hội cộng sản (cuộc vận động 2). Hai cuộc vận động này có quan hệ mật thiết với nhau , thúc đẩy và ảnh hưởng lẫn nhau.

Với phương hướng chiến lược này, cách mạng Việt Nam phải trải hai cuộc vận động: (1). Hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc và giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân; (2). Đi tới xã hội cộng sản. Hai cuộc vận động này liên quan mật thiết với nhau, ảnh hưởng và thúc đẩy lẫn nhau; cuộc vận động trước thành công tạo điều kiện cho cuộc vận động sau giành thắng lợi.

- ***Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng****:* 3 nhiệm vụ chính:

+ **Chính trị**:

* Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập;
* Dựng ra chính phủ công nông binh và tổ chức quân đội công nông.

+ **Kinh tế**:

* Quốc hữu hóa toàn bộ tài sản lớn của đế quốc Pháp (như công trình giao thông, nhà máy, xí nghiệp, ngân hàng…) giao cho chính phủ Công Nông Binh quản lý;
* Tịch thu toàn bộ ruộng đất của đế quốc làm của công và chia cho dân cày nghèo;
* Giảm sưu thuế cho dân cày nghèo;
* Mở mang (phát triển) công nghiệp, nông nghiêp, thực hiện luật ngày làm 8 giờ.

+ **Văn hoá, xã hội**:

* Dân chúng được tự do tổ chức (như tự do đi lại, hội họp, ngôn luận, báo chí…);
* Thực hiện nam nữ bình đẳng;
* Phổ thông giáo dục theo hướng công nông hoá.

Như vậy, cuộc cách mang có ba nhiêm vụ nhưng thực chất là giải quyết hai vấn đề cơ bản của cách mang VN, đó là vấn đề chống đế quốc và chống phong kiến, trong đó nhiệm vụ chống đế quốc là hàng đầu

-***Lực lượng cách mạng****:*

+ Công nhân và nông dân là lực lượng đông đảo của cách mạng, trong đó, Đảng phải vận động và thu phục được đông đảo công nhân làm cho giai cấp công nhân lãnh đạo được dân chúng; Đảng phải thu phục được đông đảo nông dân, dựa vững vào nông dân nghèo để lãnh đạo họ làm cách mạng ruộng đất.

Công nhân và nông dân là lực lượng chính của cm

+ Đảng phải lôi kéo được tiểu tư sản, trí thức, trung nông… đi về phía cách mạng; lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản Việt Nam… (nếu chưa lộ măt phản cách mạng). Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ (như Đảng Lập hiến…).

+ Trong khi liên minh với các giai cấp phải thận trọng, không đi vào con đường thoả hiệp với kẻ thù.

***- Lãnh đạo cách mạng***: giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đảng đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn, nhằm giải phóng toàn thể dân tộc VN. “*Đảng có vững, cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy*”. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

*-* ***Quan hệ quốc tế***: Cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới. Cách mạng Việt Nam muốn giành thắng lợi, Đảng phải liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là với quần chúng vô sản Pháp, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

Cm vn là 1 bộ phận khăng khít của cm tg , cm vn muốn thành công trc hết p đoàn kết vs dt bị áp bức trên tg, đoàn kết với giai cấp vô sản tg đb là vô sản Pháp

-> kết hợp sm dân tộc và sm thời đại

**Ý nghĩa Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời**

Cm đcs vn ra đời là sp của 3 yếu tố cn Mác Lênin, phong trào yêu nước, phong trào công nhân.

Quy luật chung cua sự hình thành đcs trên tg là sp của sự kết hợp của cn mac lenin và phong trào công nhân

Đcs vn ra đời ngoài tuân thủ quy luật chung thì có thêm một yếu tố nữa là phong trào yêu nước. Vì dân tộc vn có truyền thống yêu nước nồng nàn, có nghìn năm giữ gìn dân tộc, có lòng yêu nước nồng nàn -. quy luật đặc thù và là sựu vận dụng sáng tạo phù hợp với thực tiễn vn

Pt yêu nước trở thành 1 yếu tố kết hợp với cn mac lenin và phong trào công nhân để tạo nên sự ra đời vào t2 năm 1930 là phong trào yêu nước theo khuynh hướng cm vô sản

+ vai trò của hcm: Nguyễn Ái Quốc đã ra đi tìm đường cứu nước (1920)

+ 6/1925: sáng tạo ra vn cm thanh niên và tờ báo thanh niên làm cơ quan tuyên truyền cho tổ chức này -> tổ chức yêu nước đứng trên khuynh hướng vô sản

+ 1928, vn cm thanh niên tổ chức vô sản hóa (đưa những thanh niên được đào tạo về thực hiên 3 cùng để trực tiếp giác ngộ và truyền bá cm mac le nin => thúc đẩy phong trào cm vô sản lên đến đỉnh cao -> 1 chính đảng ra đời để lãnh đạo đảng phái ra đời

+1929-1930, các tổ chức cộng sản lần lượt ra đời: An Nam Cộng Sản Đảng, Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn, …

+2/1930 hcm đã hợp nhất các Đảng thành 1 Đảng duy nhất.

Nếu không có phong trào yêu nước thì đảng cộng sản việt nam vẫn ra đời nhưng muộn hơn vì phải đợi giai cấp công nhân tự giác ngộ.

**Bài tập 2 chương 1**: làm rõ những nội dung của luận cương chính trị tháng 10/1930? Hạn chế của luận cương là gì?

+ Xác định mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên là “một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa”.

La mau thuẫn giữa thợ thuyền với dân cày và các phần tử lao khổ, giữa địa chủ pk vs ….

+ Về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc “*cách mạng tư sản dân quyền*”, “*có tính chất thổ địa và phản đế*”. Sau đó sẽ tiếp tục “*phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bổn mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa*”.

Cm ts dân quyền:

+ T2/1930: tính chất giải phóng dân tộc

+ T10/1930: tính chất giải phóng dân tộc và giai cấp

Tính chất của cuộc cách mạng Đông Dương lúc đầu là cuộc “cách mạng tư sản dân quyền” cho đây là: “thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng”.

cuộc cách mạng Đông Dương sẽ là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, bởi vì cách mạng chưa có thể trực tiếp giải quyết được những vấn đề tổ chức xã hội chủ nghĩa; sức kinh tế trong xứ còn yếu , các di tích phong kiến còn nhiều, sức mạnh giai cấp tương đương chưa mạnh về phía vô sản, và lại còn bị đế quốc chủ nghĩa áp bức.

tính chất thổ địa và phản đế cụ thể là đánh đổ đế quốc, giành độc lập dân tộc và đánh đổ địa chủ đem lại ruộng đất cho dân cày

+ Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải “*tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tiền tư bổn và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để*” và “*đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập*”. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau

Nhiệm vụ cm:

+ T2/1930:

+ T10/1930: nặng về đấu tranh giai cấp

Xoá bỏ tàn tích phong kiến và đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

Hai nhiệm vụ đó có quan hệ khăng khít với nhau. Trong đó “vấn đề thổ địa cách mạng là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền”.

+ Lực lượng cách mạng: Giai cấp công nhân và nông dân là hai động chính của cách mạng tư sản dân quyền.

T10/1930: công nhận công nhân và nông dân là lực lượng chính, các lực lượng khác coi là phản động, chỉ nhìn thấy lòng yêu nước của cn và nd

T2/1930: công nhận công nhân và nông dân là lực lượng chính, vận động, thu phực đc tầng lớp nào thì thu phục, loại bỏ thành phần phản quốc

Giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh

Các phần tử lao khổ ở thành phố (người bán rao, thủ công nghiệp nhỏ) do đời sống cực khổ nên đều tham gia cm

+ Về phương pháp cách mạng, Luận cương nêu rõ phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường “võ trang bạo động”. Đến lúc có tình thế cách mạng, “Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chánh phủ của địch nhân và giành lấy chánh quyền cho công nông”. Võ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, “phải tuân theo khuôn phép nhà binh”.

T2/1930: chưa có phương pháp cm

T10/1930: dùng cm vũ trang

võ trang bạo động thực chất là công tác binh vận

+ Về lãnh đạo cách mạng, Luận cương khẳng định: “điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng cộng sản có một đường chánh trị đúng có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành”.

Đảng là đội tiền phong của vô sản giai cấp lấy chủ nghĩa Các Mác và Lênin làm gốc mà đại biểu quyền lợi chánh và lâu dài, chung cho cả giai cấp vô sản ở Đông Dương, và lãnh đạo vô sản giai cấp Đông Dương ra tranh đấu để đạt được mục đích cuối cùng của vô sản là chủ nghĩa cộng sản"

+ Đoàn kết quốc tế: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp, và phải mật thiết liên hệ với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa .

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là vô sản Pháp. Liên hệ với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, nửa thuộc địa.

***- Hạn chế của luận cương****:*

+ Luận cương chính trị tháng 10-1930 đã xác định nhiều vấn đề cơ bản về chiến lược cách mạng. Tuy nhiên, Luận cương đã không vạch rõ mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa, không nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc, mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất. Luận cương chỉ nhìn thấy vai trò của công nhân và nông dân mà không thấy được vai trò, tinh thần yêu nước của các giai tầng khác trong xã hội, vì vậy không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và tay sai.

+Nguyên nhân của những hạn chế đó là do nhận thức chưa đầy đủ về thực tiễn cách mạng thuộc địa, chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh, nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp đang tồn tại trong Quốc tế Cộng sản và một số Đảng Cộng sản anh em trong thời gian đó.

Nguyên nhân của hạn chế:

- Do những người lãnh đạo nhận thức máy móc, giáo điều về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và giai cấp trong xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam.  
 - Không nắm được đầy đủ đặc điểm tình hình xã hội và giai cấp ở Việt Nam

=>chưa đánh giá đúng thực tiễn  
 - Chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi khuynh hướng “tả” trong Quốc tế Cộng sản.

+ Những hạn chế của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, giữa hai nhiệm vụ giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất, cũng như trong việc tập hợp lực lượng cách mạng còn tiếp tục kéo dài trong nhiều năm sau.

**Bài tập 3 chương 1**: làm rõ chủ trương chuyển hướng chủ đạo chiến lược của Đảng 1939-1941. Hội nghị TW nào trong giai đoạn này đã khắc phục được hạn chế của luận cương chính trị tháng 10/1930?

***Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng (1939-1941)***

**\* Bối cảnh lịch sử**

***+ Thế giới:***

- Ngày 1/9/1939, Đức bất ngờ tấn công Ba lan. Ngày 3/9/1939, Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Như vậy, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

- Tại nước Pháp, chính phủ Đalađiê (Daladier) thi hành một loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ.

- Tháng 6-1940, Đức tiến công Pháp. Chính phủ Đờ Gôn (De Gaulle) bỏ chạy. Chính phủ phản động Pêtanh (Pétain) lên cầm quyền. Tháng 6-1941, Đức tiến công Liên Xô, chiến tranh lan rộng. Tháng 12-1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ. Quân Nhật lần lượt đánh chiếm nhiều thuộc địa của Mỹ và Anh ở trên biển và trong đất liền, cuộc chiến tranh lan rộng ra toàn thế giới.

***+ Đông Dương :***

Thực dân Pháp tăng cường bộ máy đàn áp, lệnh thiết quân luật được ban bố. Ngày 28-9-1939 Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội, đoàn, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người…

- Thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng; thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” nhằm tăng cường vơ vét sức người, sức của để phục vụ cuộc chiến tranh đế quốc.

- Tháng 9-1940, Nhật xâm lược Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và câu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”, mâu thuẫn dân tộc phát triển sâu sắc, đòi hỏi cần phải giải quyết cấp bách. Vì vậy, Đảng chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.

**\* Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng**

***+ Thể hiện ở các văn kiện :***

- Thông cáo của ĐCSĐD, ngày 29-9-1939, “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”

- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 6, họp tháng 11-1939, tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định), do đồng chí Nguyễn Văn Cừ chủ trì.

- Hội nghị Trung ương 7, tháng 11/ 1940, tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh).

- Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng vào tháng 5-1941, ở Pắc Pó Cao Bằng, do Nguyễn Ái Quốc chủ trì.

***+ Nội dung chủ trương:***

**1. Mối quan hệ của 2 nhiệm vụ chiến lược :**

+ Hội nghị Trung ương 6 (11/1939):

Hội nghị đã phân tích tình hình và nhận định: “*Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để giải phóng dân tộc*”. Hội nghị quyết định chuyển hướng chỉ đạo đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Đối với nhiệm vụ chống phong kiến, hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất” mà thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay nặng lãi, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia cho dân cày, nhằm tập hợp mọi lực lượng để giải phóng dân tộc.

+ Hội nghị Trung ương 8 (5/1941)

Hội nghị khẳng định: *Cách mạng ĐD lúc này không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền có tính chất phản đế và thổ địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp là “dân tộc giải phóng*”. Hội nghị quyết định tiếp tục chuyển hướng chiến lược đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Nhưng vấn đề dân tộc phải được giải quyết trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, ba nước có thể hỗ trợ lẫn nhau nhưng không lệ thuộc vào nhau.

Đối với nhiệm vụ chống phong kiến, Hội nghị quyết định tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất”, mà thay bằng các khẩu hiệu, tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công cho nông dân, giảm tô, giảm tức… nhằm tập hợp mọi lực lượng phục vụ cho mục tiêu số 1 là giải phóng dân tộc.

+Hội nghị Trung ương 8 (5/1941) đã khắc phục được hạn chế của luận cương chính trị 10/1930

**Bài tập 4 chương 1**: làm rõ nguyên nhân thành công, ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của CMT8.

- Nguyên nhân thắng lợi:

Nguyên nhân khách quan:

- Thế giới:

+1945, CTTGT2 kết thúc bằng sự kiện 9/5/1945 Phát Xít Đức đầu hàng vô điều kiện quân đồng minh

+Ngày 6, 8 Mỹ đã ném 2 quả bom nguyên tử vào 2 thành phố của nhật là Hỉroshimavà Nagasaki.

+10/8 đồng minh yêu cầu Nhật phải đầu hàng

+14/8 Nhật đầu hàng vô điều kiện -> chiến tranh (thế giới) kết thúc về phe đồng minh

- Ở Đông Dương:

+ Pháp bị Nhật đánh bại, Nhật thất bại triệt để dưới tay phe đồng minh là điều kiện thuận lợi cho các nước Đông Dương và toàn bộ các nước thuộc địa của Pháp

(1945, Việt Nam là nước duy nhất dành chính quyền ở Đông Nam Á)

Nguyên nhân chủ quan:

+ Đảng ta đã vạch ra đường lối tài tình, sáng tạo (cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã dương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc khi tình hình, thời cơ đến Hội nghị TW 6,7,8 đã chuyển hướng đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu )

Hội nghị toàn quốc đã quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay Nhật trước khi quân đồng minh vào Đông Dương

+ Đảng đã xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc (xây dựng mặt trận Việt Minh, đã tranh thủ mọi lực lượng có thể để tập trung cho mục tiêu số 1 là giải phóng dân tộc, lực lượng chính trị hùng hậu được xây dựng trong mặt trận Việt Minh với nòng cốt là các đoàn thể cứu quốc\_thu hút mọi giai tầng xã hội với lực lượng hùng hậu )

+ Đảng đã chớp được thời cơ để quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay Nhật trước quân đồng minh

+ Dân ta có lòng yêu nước……(đưa ra nguyên nhân phải có dẫn chứng chứng minh)

=> CMT8 giành thắng lợi nhanh gọn ít đổ máu là sự kết hợp giữa điều kiện khách quan và chủ quan

+) Cm t8 nổ ra trong bối cảnh quốc tế rất thuận lợi. Đảng đã chớp thời cơ đó phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh chóng.

+) CM t8 là tổng hợp của 15 năm đấu tranh gian khổ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của đảng, đã được rèn luyện qua 3 cao trào cm rộng lớn.

+) CM t8 thành công là do đảng ta đã chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong mặt trận Việt Minh.

+) Đảng ta là người tổ chức và lãnh đạo cuộc cm t8, đảng có đường lối đúng đắn, dày dạn kinh nghiệm đấu tranh và đoàn kết thống nhất…

-Ý nghĩa lịch sử

+) Thắng lợi của cm t8 đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân pháp trong gần một thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ hàng mấy nghìn năm và ách thống trị của phát xít nhật, đưa nhân dân vn từ nô lệ trở thành người dân của nước độc lập tự do.

+) Thắng lợi của cm t8 đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc vn, đưa dân ta bước vào kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập tự do và cnxh.

+) Góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa MLN, kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

+) Cách mạng t8 thắng lợi cổ vũ mạnh mẽ cho nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

- Bài học kinh nghiệm:

+) Một là, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc,

+) 2 là kết hợp đúng đắn 2 nhiệm vụ chống đế quốc và chống pk- hai nhiệm vụ ko thể tách rời nhau. Tuy 2 nhiệm vụ ko tách rời nhau nhưng nhiệm vụ chống đế quốc là chủ yếu nhất.(giải quyết đúng đắn mối quan hệ 2 nhiệm vụ là chống đế quốc và phong kiến )

//+) Hai là, toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công nông. Cm t8 thắng lợi là nhờ cuộc đấu tranh yêu nước ảnh hưởng của 20tr người vn. Đạo quân chủ lực được xd và làm nền tảng. Đảng xd được khối đoàn kết dân tộc, động viên toàn dân tổng khởi nghĩa thắng lợi

+) Ba là, đảng đã lợi dụng được mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phát xít, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và mọt bộ phận thế lực địa chủ pk. Nhờ vậy mà cm t8 giành được thắng lợi nhanh chóng, ít đổ máu.(xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc thông qua mặt trận Việt Minh trên nền tảng liên minh công nhân và nông dân )

+) Bốn là kiên quyết dùng bạo lực cm và biết sử dụng bạo lực cm một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy của nhân dân.

+) Năm là nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, vừa vận dụng nguyên lý của CN MLN vừa chọn đúng thời cơ. (nhậ định, nắm bắt, chớp đúng thời cơ /\*khẳng định kinh nghiệm, quyết định đúng thời cơ\*/ để giành thắng lợi nhanh gọn, ít đổ máu )

+) Sáu là xd một đảng đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền( xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh )

**BÀI TẬP CHƯƠNG 2**

**Bài tập 1 chương 2:** Làm rõ nội dung đường lối kháng chiến chống Pháp và những thắng lợi quân sự tiêu biểu 1946-1954.

**Bài tập 2 chương 2:** làm rõ nội dung đại hội III của Đảng (9/1960) - những thắng lợi của CM hai miền 1954-1975.

**BÀI TẬP CHƯƠNG 3**

**Bài tập 1 chương 3:** Tìm hiểu những nghị quyết quan trọng của Đảng 1976-1986?

Đại hội Đại biểu Toàn quốc của Đảng Lao động Việt Nam được tổ chức vào tháng 12 năm 1976. Tại đây, Đại hội quyết nghị đổi tên nước thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam, khẳng định đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước.

+ Thứ nhất, thực hiện sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Sản xuất lớn có nghĩa là nền kinh tế dựa vào những đơn vị có quy mô lớn, huyện trở thành pháo đài kinh tế-xã hội, các tỉnh được sáp nhập lại còn 29 tỉnh. Còn sản xuất xã hội chủ nghĩa tức là nền kinh tế dựa vào 2 thành phần kinh tế cơ bản: quốc doanh (trong công và thương nghiệp) và tập thể (trong nông nghiệp - với hợp tác xã cấp cao là nòng cốt).

+ Thứ hai, làm chủ tập thể. Đây là một tư tưởng do Lê Duẩn sáng tạo mà rất ít người hiểu, kể cả các nhà triết học.

+ Thứ ba, áp dụng chế độ kế hoạch hóa tập trung. Đây là mô hình chung ở các nước xã hội chủ nghĩa. Ở Việt Nam nó được thực hiện theo một công thức do Lê Duẩn sáng tạo

+ Thứ tư, công nghiệp nặng được lựa chọn làm ngành động lực chính của tăng trưởng và phát triển kinh tế.

+ Thứ năm, Nhà nước độc quyền về kinh tế đối ngoại.

* **Hội nghị Trung ương 6 khóa IV**

Tháng 9 năm 1979, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IV tiến hành hội nghị lần thứ 6. Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã đọc báo cáo mang tên Những vấn đề kinh tế cấp bách. Cuối cùng Hội nghị đã ra nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 20 tháng 9 năm 1979 với tinh thần chính là:

+ Cho phép kết hợp kế hoạch hóa với cơ chế thị trường

+ Sử dụng lại kinh tế tư nhân bao gồm cả tư bản tư nhân dưới sự quản lý của Nhà nước

+ Sửa lại giá lương thực và giá các nông sản khác theo hướng dựa trên thỏa thuận.

+ Cho phép địa phương tiến hành xuất nhập khẩu

Thực hiện chủ trương của Hội nghị trung ương 6, tháng 10-1979, Hội đồng Chính phủ công bố quyết định xóa bỏ những trạm kiểm soát ngăn sông cấm chợ. Người sản xuất có quyền đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường không phải nộp thuế sau khi làm đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

Ngày 13-1-1981, ***Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100/CT-TW về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp* (**gọi tắt là khoán 100**)**

**(**  quyết định mở rộng việc thực hiện và hoàn thiện khoán sản phẩm trong nông nghiệp **)**

+ Mỗi xã viên nhận mức khoán trên một diện tích nhất định và tự mình làm 3 khâu, cày cấy, chăm sóc và thu hoạch, còn những khâu khác do hợp tác xã đảm nhiệm.

+Chỉ thị 100, tuy còn ở trình độ thấp, nhưng bước đầu đã có những cải tiến trong đổi mới quản lý sản xuất nông nghiệp ở nước ta, tạo nên không khí phấn khởi trong nông dân.

***Đối với công nghiệp***, trên cơ sở tổng kết thực tiễn ở Thành phố Hồ Chí Minh và Long An, ngày 21-1-1981, ***Chính phủ đã ban hành***

***+ Quyết định 25-CP về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh***

**+ *Quyết định số 26-CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước.***

* tạo nên động lực thúc đẩy sản xuất công nghiệp có bước phát triển mới.
* ***Chỉ thị 100 của Trung ương Đảng và QĐ 25, 26 CP của Chính phủ là bước đột phá tư duy kinh tế thứ 2 của Đảng.***

Trên mặt trận phân phối lưu thông, ngày 23-6-1980, **Bộ Chính trị ra Nghị quyết 26/NQ-TW** ***về cải tiến công tác phân phối, lưu thông***.

+ Ngày 17–18 tháng 2 năm 1982, Bộ Chính trị họp để xem lại Quyết định số 25/CP.

+ Ngày 15 tháng 5 năm 1982, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 04-CT/TW về việc mở một đợt sinh hoạt chính trị nhằm chấn chỉnh lại quan điểm và lập trường trong các vấn đề kinh tế.

+ Ngày 14 tháng 9 năm 1982, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 01-NQ/TW để uốn nắn lại những biểu hiện bị coi là chệch hướng ở thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ngày 30 tháng 11 năm 1982, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 11-CT/TW về việc huy động lương thực năm 1983, trong đó có yêu cầu "đình chỉ ngay" tình trạng mua lúa giá cao, bán vật tư giá cao, trở về cơ chế thu mua theo giá chỉ đạo.

+ Hội nghị Trung ương 3 khóa V được tổ chức vào đầu tháng 12 năm 1983. Một trong 3 nội dung chính của Hội nghị là bàn về "mấy vấn đề cấp bách trong công tác phân phối lưu thông. Sau hội nghị, phân phối-lưu thông được chấn chỉnh theo hướng trở lại cơ chế phân phối lưu thông trước nghị quyết số 26-NQ/TW năm 1980. Các công ty xuất nhập

khẩu địa phương được sáp nhập lại theo hướng mỗi tỉnh, thành chỉ còn một công ty xuất nhập khẩu.

+ Ngày 29 tháng 1 năm 1983, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 08-NQ/TW để uốn nắn lại những biểu hiện bị coi là buông lỏng quản lý ở Hà Nội.

+ **Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6-1985)** bàn về vấn đề giá, lương, tiền.

Hội nghị chủ trương dứt khoát xóa bỏ cơ chế bao cấp, thực hiện cơ chế một giá, chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN, thừa nhận quy luật của sản xuất hàng hóa.

**+ Hội nghị Bộ Chính trị tháng 8-1986** đưa ra bản “Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế”. Đây là **bước đột phá tư duy kinh tế cuối cùng của Đảng, đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới**

**=> *NQ hội nghi TƯ 6 (1979), Khoán 100 của Trung ương, QĐ 25-26 CP của chính phủ; Nghị quyết Đại hội V và các Hội nghị Trung ương khóa V, đặc biệt là NQ Bộ Chính trị (8/1986) đã thể hiện quá trình tìm tòi, khảo nghiệm, đấu tranh giữa quan điểm cũ và mới, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế.***

Để triển khai thực hiện nghị quyết của hội nghị trung ương 8 của Đảng, Nhà nước Việt Nam thành lập Ban chỉ đạo chiến dịch cải cách giá - lương - tiền do Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách phân phối lưu thông Trần Phương đứng đầu. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ vừa thiết kế vừa triển khai chiến dịch. Tháng 8 năm 1985, phương án cải cách được đưa ra như sau

**Bài tập 2 chương 3:** làm rõ nd đường lối đổi mới toàn diện của Đảng ở Đại hội VI (1986)? vì sao Đảng lại lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm?

nd đường lối đổi mới toàn diện của Đảng ở Đại hội VI (1986)

***Thế giới***

- Từ giữa thập kỷ 80, cuộc cách mạng khoa học công nghệ (đặc biệt là công nghệ thông tin) phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống của các quốc gia dân tộc ***à thúc đẩy toàn cầu hóa***

***à tác động vào mô hình tập trung quan liêu bao cấp, lộ rõ khuyết điểm***

* ***Đổi mới cải cáchà nước xhcn lâm vào khủng hoảng toàn diện sụp đổ***
* ***Liên xô sụp đổà trật tự thế giới 2 cực sụp đổ***

àTrật tự thế giới hai cực tan rã, trật tự thế giới đa cực mới hình thành do Mỹ cầm đầu. à TOÀN cầu hóa nhờ cách mạng công nghệ, thúc đẩy nhân loại gần nhau hơn , trong đó các nước lớn tranh thủ thành , đối đầu sang đối thoại, cùng hợp tác và đấu tranh.

* Thế lực thù địch tận dụng công nghệ, thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, phủ nhận vai trò của đảng cộng sản. à chống phá hệ thống chính trị của đảng cộng sản.
* ***Trong nước***
* ***-Sau 10 năm quá độ lên cnxh , dưới sự lãnh đạo của đảng, kinh tế nông nghiệp lạc hậu ,năng suất thấp , lao động thủ công, mới bước đầu hàn gắn chiến tranh.***
* ***-hậu quả chiến tranh thiên tai tàn phá nặng nề, gánh thêm hậu quả chiến tranh biên giới, tình hình căng thẳng giữa việt nam và trung quốc, ruộng đất bỏ hoang,***
* ***-sai lầm kéo của đảng trong cải cách kinh tếà làm kinh tế lạm phát trầm trọng , đời sống nhân dân khó khăn, lòng tin của dân vào đảng giảm sút , tham nhũng tràn lan***
* ***à đảng yêu cầu đổi mới tư duy , nhất là tư duy kinh tế.***
* ***\* Đại hội VI của Đảng (1986)***
* - Báo cáo chính trị của Đại hội đã chỉ ra thành công, hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân, bài học của Đảng và chủ trương đổi mới toàn diện công cuộc xây dựng đất nước. Đảng nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm trong thời kỳ 1975-1986, (tổng kết 10 năm quá độ lên chủ nghĩa xh , chỉ ra thành tựu hạn chế nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm)
* à trách nhiệm thuộc về ban chấp hành trung ương đảng khóa 4 và 5
* . Đại hội đã rút ra 4 bài học kinh nghiệm:
* *+ Một là,* trong toàn bộ hoạt động của mình Đảng phải phải quán triệt tư tưởng: “lấy dân làm gốc”, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. (phải có dân thì mới thành công được)
* *+ Hai là,* Đảng phải xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. (đại hội 4 đề ra đường lối không phù hợp , xa rời thực tiễn của việt nam)
* *+ Ba là,* kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.(10 năm đó chúng ta chưa tranh thủ được sự hỗ trợ quốc tế, mà chúng ta chỉ quan hệ xhcn , bỏ qua các nước xung quanh)
* + *Bốn là,* xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng XHCN.(đảng phải có đạo đức , lối sống tốt , niềm tin của nhân dân, sát sao với nhân dân, phải có năng lực)

- ***Nội dung đường lối đổi mới***

*+ Nhận thức về thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta:*

Đại hội khẳng định thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam là một quá trình lịch sử tương đối lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường;

Có lộ trình , từng bước dài ngắn , không được đốt cháy giai đoạn, phải trải qua nhiều chặng đường.

Nước ta đang ở những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ đi lên CNXH.

àNhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát :

à ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh Công Nghiệp Hóa XHCN trong chặng đường tiếp theo

* Mục tiêu cụ thể trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên:

à Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy (để tái sản xuất)

à Tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất(nói thêm ở phần kinh tế)

à xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới xhcn

à tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội.

à đảm bảo nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh

* Tất cả đổi mới nẳm trong năm còn lại của chặng đường đầu tiên.

Đại hội VI đề ra đổi mới kinh tế :

1. Cơ cấu kinh tế : đề ra 1 cơ cấu kinh tế hợp lý : nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và dịch vụ.

* Dặt nông nghiệp lên hàng đầu vì đại hội VI thấy nông nghiệp là quan trọng nhất, là thế mạnh lớn nhất của việt nam.
* Dể nông nghiệp tự trở thành mặt trận hàng đầu, đại hội VI đưa ra biện pháp phải thực hiện cho được 3 chương trình mục tiêu :

+: lương thực, thực phẩm

+ hàng tiêu dùng

+hàng xuất khẩu

* Cụ thể hóa nội dung công nghiệp hóa trong chặng đường đầu tiên.
* **Về cải tạo xã hội chủ nghĩa**
* à Đẩy mạnh cải tạo XHCN là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH , với những hình thức và bước đi thích hợp
* +xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất
* - Thời kỳ trước đổi mới, chúng ta cho rằng xây dựng 1 quan hệ sản xuất dựa trên 2 hình thức sở hữu toàn dân (sở hữu công- kinh tế quốc doanh) và sở hữu tập thể thì mới phù hợp với đất nước. à kìm hãm sự phát triển của sản xuất, lâm vào khủng khoảng.
* àVì vậy phải , xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất
* ++ Sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế , thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế
* -Trước đây chúng ta quan niệm xóa bỏ tư hữu vì chúng ta cho rằng tư hữu đồng nghĩa với bóc lột, mà xhcn xóa bỏ áp bức bóc lột.
* tuy nhiên Phải có sở hữu mới có thành phần kinh tế.
* àDổi mới kinh tế, thừa nhận tư hữu, nhiều hình thức sở hữu,, thành phần kinh tế : Kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể (hợp tác xã), kinh tế gia đình, kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể), kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước), trong đó kinh tế quốc danh giữ vai trò chủ đạo.

àXây dựng (nhà nước phải tương thích với) kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ( 1 đảng lãnh đạo) (cơ sở hạ tầng (kinh tế) phải phụ thuộc kiến trúc thượng tầng (nhà nước) ),

Quan điểm về chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định được nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Đại hội VI chú trọng đến nhóm chính sách dân số, việc làm, công bằng xã hội, giáo dục, văn hóa, sức khỏe nhân dân, bảo trợ xã hội vv…

* *Đổi mới cơ chế kinh tế, xóa bỏ bao cấp, hoạch toán kinh doanh chủ nghĩa (kinh tế thị trường).*

*+ Về đối ngoại*:

Đại hội VI khẳng định mở rộng quan hệ với tất cả các nước trên thế giới trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền và các bên cùng có lợi. Trong đó nhấn mạnh: tăng cường quan hệ với ba nước Đông Dương; sẵn sàng thương lượng và hợp tác với các nước ĐNA; tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước XHCN; bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc; mở rộng quan hệ hữu nghị vớ các nước phương Tây, sẵn sàng cải thiện quan hệ với Mỹ.

* Củng cố quan hệ với đông nam áà các nước xã hội chủ nghĩa à phương tây và mỹ à vấn đề mấu chốt là campuchia

*+ Đổi mới Đảng*

Đảng phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tư duy lý luận, nhận thức đúng về chủ nghĩa xã hội và đặc trưng, quy luật, hình thức, bước đi của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác. Xây dựng Đảng ngang tầm một đảng cầm quyền lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược.

Không có nghĩa là thay đổi chính trị , mà đổi mới để phát triển lên

* Dổi mới đội ngũ đoàn viên vững mạnh , phẩm chất đạo đức đề dân tin yêu , đảng có tri thức để lãnh đạo đất nước.
* *Nhiệm vụ cấp bách là cải thiện đời sống nhân dân à dân vững tin đảng à tạo ra của cải dư thừa à phát triển xã hội, kinh tế , có thực mới vực được đạo , mấu chốt phát triển là kinh tếà dân làm nền tảng kinh tế để phát triển các lĩnh vực khác.*

**bt3 chương 3**: tìm hiểu và phân tích quan điểm xây dựng và phát triển nền văn hóa vn thời kỳ đổi mới (1998- nay)? liên hệ với bản thân sv?

***1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.***

**+ Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội.**

Văn hoá được cấu thành bởi một hệ các giá trị tạo nên bản sắc của mỗi dân tộc. Các giá trị này thấm nhuần trong mỗi con người và cả cộng đồng, được tiếp nối qua các thế hệ, được vật chất hoá bền vững trong cấu trúc kinh tế - xã hội.

=> tác động hàng ngày đến cuộc sống vật chất - tinh thần của mọi thành viên bằng môi trường văn hoá - xã hội

**+ Văn hoá là động lực thúc đẩy sự phát triển**

Văn hoá là kết quả của sự sáng tạo của con người thể hiện tiềm năng sáng tạo của dân tộc. Vì vậy nó là nguồn lực nội sinh cho sự phát triển của dân tộc đó.

Trong nền kinh tế tri thức thì tri thức, kỹ năng trở thành nguồn lực quan trọng nhất cho sự phát triển

Vai trò động lực và điều tiết của văn hoá trong kinh tế thị trường

Vai trò động lực của văn hoá trong hội nhập và bảo vệ môi trường

=>Văn hoá có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người và xây dựng xã hội mới

**+ Văn hoá là một mục tiêu của phát triển**

Mục tiêu: “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng văn minh” là mục tiêu văn hoá

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội xác định: *“Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người”.* Đó là chiến lược phát triển bền vững

**+ Văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong bồi dưỡng phát huy nhân tố con người**

- Phát triển kinh tế, xã hội cần rất nhiều nguồn lực: tài nguyên, vốn, khoa học công nghệ, thể chế… Đây là những nguồn lực có hạn và có thể bị khai thác cạn kiệt. Chỉ có trí tuệ của con người mới là nguồn lực vô hạn, có khả năng tái sinh và tự sinh không bao giờ cạn kiệt.

- Năm 1990, Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) đã đưa ra tiêu chí mới để đánh giá mức độ phát triển của một quốc gia: chỉ số phát triển con người; mức thu nhập bình quân và tuổi thọ. Tài nguyên con người đó chính là vốn trí tuệ của một dân tộc.

+ Với ***chức năng giáo dục***, văn hóa có vai trò trong việc xây dựng nguồn nhân lực có tri thức, hiểu biết về mọi lĩnh vực đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục đến khoa học - công nghệ, v.v.. Tất cả tri thức đó đều dựa trên một nền tảng học vấn vững vàng, trình độ ngày càng cao, phù hợp với xu thế của thời đại.

+ Văn hóa đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong **định hướng** cho con người và xã hội, nhất là thế hệ trẻ, hướng đến những giá trị cốt lõi Chân - Thiện - Mỹ trong truyền thống nhân văn của dân tộc ta, đồng thời nâng các giá trị ấy lên ngang tầm thời đại.

+ Văn hóa có khả năng khơi dậy tính sáng tạo của con người trong xu hướng phát triển văn hóa nói chung, chất lượng nguồn nhân lực nói riêng; xây dựng con người có phẩm chất về tư tưởng, lý tưởng, đạo đức, lối sống, đặc biệt là nhân cách văn hóa và khát vọng, đáp ứng những đòi hỏi của CMCN 4.0 cũng như công cuộc hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay và trong tương lai.

+ Với ***chức năng* điều tiết,** văn hóa ngày càng thể hiện rõ hơn các mối quan hệ giữa con người với chính bản thân mình, con người với môi trường tự nhiên và con người với cộng đồng xã hội.

=> Văn hóa phải hướng tới việc giáo dục, đào tạo con người hội tụ được những phẩm chất tốt đẹp, vừa mang đậm nét truyền thống, cốt cách con người Việt Nam vừa phải phù hợp với những yêu cầu của thời đại.

***2. Nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc***

***+* Văn hóatiên tiến***:* Là yêu nước và tiến bộ, đàm đà tinh nhân văn sâu sắc.

***+* Bản sắc dân tộc**:

Bao gồm cả những giá trị văn hoá truyền thống bền vững của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Đó là truyền thống yêu nước nồng nàn, ý chí tự lực tự cường, tinh thần đoan kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân-gia đinh-làng xã- Tổ quốc, đó là lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tinh, đạo lý, là đức cần cù, sáng tạo trong lao động, tinh tế trong ứng xử, tinh giản dị trong lối sống…

***3. Nền văn hóa Việt Nam thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.***

+ Hơn 50 dân tộc trên đất nước ta đều có những giá trị và bản sắc văn hoá riêng, bổ sung cho nhau

+ Cả cộng đồng các dân tộc Việt Nam có nền văn hoá chung thống nhất

+ Thống nhất bao hàm cả tính đa dạng, đa dạng trong sự thống nhất

1. **Văn hóa là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo , trong đó đội ngũ trí thức giữa vai trò quan trọng**.

Trong khối đại đoàn kết dân tộc đó, trí thức đóng một vai trò quan trọng, bởi vì đây là tầng lớp có tri thức, hiểu biết, nắm bắt nhanh những giá trị văn hóa của thời đại đồng thời biết giữ gìn truyền thống bản sắc dân tộc. =>Vì vậy Đảng khẳng định giao dục đào tạo cùng với khoa học công nghệ phải trở thanh quốc sách hàng đầu.

1. ***Văn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.***

- Văn hoá là một mặt trận của cách mạng Việt Nam, quan trọng và gian khổ không kém mặt trận kinh tế, mặt trận chính trị.

-Hoạt động “xây” và “chống” trong văn hoá là quá trình cách mạng lâu dài, khó khăn, phức tạp, cần có ý chí cách mạng, có tính chiến đấu, cần sự kiên trì, thận trọng.

*Định hướng phát triển nền văn hóa Việt Nam*

- Phát triển văn hoá gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội:

+ Xác định mục tiêu phát triển văn hoá phải căn cứ và hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế và ngược lại.

+ Phải xây dựng chính sách kinh tế trong văn hoá để gắn văn hoá với hoạt động kinh tế, khai thác tiềm năng kinh tế của văn hoá.

+ Phải xây dựng chính sách văn hoá trong kinh tế để chủ động đưa các yếu tố văn hoá thâm nhập vào các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội:

Đó là con đường để các giá trị văn hoá trở thành nền tảng tinh thần bền vững của xã hội, trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Liên hệ bản thân:

Là một sinh viên Việt Nam trong thời kì đổi mới hiện nay, tôi thấy được đất nước đang phát triển, mọi thứ đang dần thay đổi. Sự thay đổi đó được thể hiện ở mọi mặt, mọi lĩnh vực trong cuộc sống, trong đó thì phất triển văn hóa là vấn đề được đề cập và thảo luận khá sôi nổi. Văn hoá là một mặt trận của cách mạng Việt Nam, quan trọng và gian khổ không kém mặt trận kinh tế, mặt trận chính trị. Phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài và đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng. Hoạt động “xây” và “chống” trong văn hoá là quá trình cách mạng lâu dài, khó khăn, phức tạp, cần có ý chí cách mạng, có tính chiến đấu, cần sự kiên trì, thận trọng.

**bt4 chương 3**: làm rõ thành tựu và hạn chế của 35 năm đổi mới?

**\* *Những thành tựu***

**Về kinh tế:**

+ Đảng chú trọng đổi mới tư duy lý luận, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế. Nền kinh tế chuyển từ kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN (Đại hội VI, VII, VIII), sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN (Đại hội IX đến XIII)

+ Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng XHCN ngày càng rõ hơn (hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật tiếp tục được bổ sung phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế.

+ Các yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước được phát triển đồng bộ, gắn thị trường trong nước với thị trường quốc tế.

+ Sau 10 năm (1986-1996), nền kinh tế Việt Nam ra khỏi khủng hoảng (Lạm phát từ 774% (1986) xuống 12% (1995); đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

+ Năm 2008, VN ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình.

+ Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn: trong 10 năm 2001-2010 tăng trưởng 7,26% /năm, 2011-2015; 2016-2020 khoảng 6%/ năm.

+ Thu nhập bình quân đầu người tăng lên: năm 2010 đạt 1.168 USD (gấp 3 lần so với năm 2000); Năm 2011-2015, quy mô và tiềm lực của nền kinh tế tiếp tục tăng lên; GDP năm 2015 đạt 193,4 tỉ USD, bình quân đầu người khoảng 2.109 USD; năm 2018 đạt 2.500 USD, năm 2020 đạt 2.279 USD, VN đã ra khỏi nhóm nước có thu nhập thấp; Năng suất lao động tăng từ 4,3% (2011-2015) lên khoảng 6% (2016-2020).

***Về chính trị***:

Chính trị ổn định: quá trình phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trị có nhiều chuyển biến tích cực và ngày càng được mở rộng.

Hệ thống chính trị từng bước được đổi mới để phù hợp yêu cầu của đất nước trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả quan trọng... Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường

**Về văn hóa – xã hội**: Văn hoá, xã hội đạt được nhiều thành tựu trong giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy các giá trị văn hóa; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên. Đã hoàn thành phần lớn mục tiêu Thiên niên kỷ do Liên Hợp quốc đề ra cho năm 2015.

Chỉ số phát triển con người tăng từ 0,683 năm 2000 lên 0,733 năm 2008, xếp thứ 100/77 nước tham gia xếp hạng.

**Về ngoại giao**: Quan hệ đối ngoại ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao; đóng góp ngày càng tích cực và có trách nhiệm với khu vực và thế giới. Đến năm 2018, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 188 nước trong tổng số 193 nước thành viên Liên hợp quốc.

đối tác toàn diện với nhiều nước…

**Về quốc phòng an ninh**: Quốc phòng, an ninh được tăng cường; nhận thức và thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược, xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh ngày càng hoàn thiện…

**\* *Hạn chế, khuyết điểm:***

*-* Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải tổng kết để tiếp tục làm rõ.

- Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô có lúc thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp.

- Đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội.

- Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) nêu lên vẫn tồn tại (tụt hậu xa về kinh tế, chệch hướng XHCN, tham nhũng trong Đảng, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch), có mặt diễn biến phức tạp, khó lường. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút….